

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 31/2018/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2018

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2018/TT-BCT

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2018

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Điện lực ngày 03 tháng 12 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

Căn cứ Nghị định số [81/2013/NĐ-CP](#) ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [81/2013/NĐ-CP](#) ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điều tiết điện lực,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2013/TT-BCT) như sau:

1. Sửa đổi tên Điều 4 và Khoản 1 Điều 4 như sau:

- a. Sửa đổi tên Điều 4 như sau: “Điều 4. Thẩm quyền kiểm tra”;
- b. Sửa đổi Khoản 1 Điều 4 như sau: “1. Kiểm tra viên điện lực Bộ Công Thương, Kiểm tra viên điện lực Sở Công Thương, Kiểm tra viên điện lực của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết tắt là Kiểm tra viên điện lực cấp huyện) có quyền kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động điện lực, sử dụng điện, bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện”.

2. Sửa đổi Khoản 2 Điều 6 và Khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn điện, bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện”.

3. Sửa đổi Điểm a Khoản 1 Điều 8 như sau:

“a) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điểm đ Khoản 1, Điểm đ Khoản 2, Điểm đ Khoản 3 Điều 9 như sau:

“đ) Đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, trung thực, công minh và khách quan; chưa bị xử lý hình sự hoặc đã bị xử lý hình sự nhưng đã được xóa án tích; chưa bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực hoặc đã được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực”.

5. Sửa đổi Điểm c Khoản 1 Điều 12 và bổ sung Khoản 4 Điều 12 như sau:

- a. Sửa đổi cụm từ “Bản sao hợp lệ” thành từ “Bản sao” tại Điểm c Khoản 1 Điều 12;
- b. Bổ sung Khoản 4 Điều 12 như sau: “4. Tùy theo điều kiện thực tế, cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi thẻ Kiểm tra viên điện lực quy định việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến đối với trình tự, thủ tục quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này”.

6. Sửa đổi Khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Thẻ màu vàng nhạt được cấp cho Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực để kiểm tra an toàn điện, bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện”.

7. Sửa đổi Khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Kiểm tra đột xuất là hình thức kiểm tra không thông báo trước, được thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, yêu cầu của đơn vị điện lực hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động điện lực, sử dụng điện, bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện”.

8. Bổ sung Điều 19a như sau:

“Điều 19a. Nội dung kiểm tra bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện

Kiểm tra việc thực hiện các quy định từ Điều 50 đến Điều 53 Luật Điện lực và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể:

1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.
2. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không.
3. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm.
4. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về bảo vệ an toàn trạm điện”.

9. Sửa đổi Điều 20 như sau:

“Điều 20. Kiểm tra phát hiện có hành vi trộm cắp điện

1. Trường hợp kiểm tra phát hiện có hành vi trộm cắp điện, Kiểm tra viên điện lực có trách nhiệm lập Biên bản kiểm tra sử dụng điện, Biên bản vi phạm hành chính. Trong Biên bản kiểm tra sử dụng điện phải nêu rõ những nội dung sau:

- a) Mô tả hành vi trộm cắp điện và các thông số liên quan tới việc tính toán, xử lý vi phạm sử dụng điện;
- b) Vẽ sơ đồ trộm cắp điện;

c) Các chứng cứ khác như phương tiện trộm cắp, ảnh chụp, băng ghi hình, dữ liệu điện tử khác (nếu có).

2. Trường hợp tạm giữ các tang vật, phương tiện dùng để trộm cắp điện, Kiểm tra viên điện lực phải lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này và thực hiện niêm phong các tang vật, phương tiện đó (giấy niêm phong phải có chữ ký của Kiểm tra viên điện lực, đại diện bên được kiểm tra và các thành phần khác theo quy định).

3. Kiểm tra viên điện lực có trách nhiệm xác định sản lượng điện trộm cắp và số tiền bồi thường tương ứng được tính toán theo quy định tại Điều 32 Thông tư này.

4. Kiểm tra viên điện lực có trách nhiệm thông báo cho bên bán điện để thực hiện ngừng cấp điện”.

10. Sửa đổi Điều 23 như sau:

“Điều 23. Biên bản vi phạm hành chính

1. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, ngoài việc lập Biên bản kiểm tra theo quy định tại Điều 22 Thông tư này, Kiểm tra viên điện lực phải lập Biên bản vi phạm hành chính theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này và chuyển biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt theo quy định.

2. Biên bản vi phạm hành chính được lập thành 03 bản, bên kiểm tra giữ 01 bản, bên được kiểm tra giữ 01 bản và gửi 01 bản cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt. Biên bản được đóng dấu treo và ghi số thứ tự để quản lý. Biên bản đã sử dụng, kể cả biên bản ghi sai hoặc huỷ bỏ phải được quản lý và lưu giữ đầy đủ theo quy định”.

11. Sửa đổi Điều 24 như sau:

“Điều 24. Chuyển biên bản, hồ sơ vi phạm

1. Biên bản kiểm tra do Kiểm tra viên điện lực của đơn vị điện lực lập

Trường hợp bên mua điện có hành vi vi phạm hợp đồng mua bán điện quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, Biên bản kiểm tra và toàn bộ tang vật, tài liệu chứng minh vi phạm

phải được lưu giữ tại đơn vị điện lực để xử lý hoặc chuyển cho đơn vị điện lực có liên quan để xử lý trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.

2. Biên bản kiểm tra do Kiểm tra viên điện lực Bộ Công Thương, Sở Công Thương và Kiểm tra viên điện lực cấp huyện lập

Trường hợp có hành vi vi phạm hợp đồng mua bán điện quy định tại Điều 13 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực, Biên bản kiểm tra và toàn bộ tang vật, tài liệu chứng minh vi phạm phải được chuyển cho bên bị vi phạm để xử lý trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.

3. Thời hạn chuyển biên bản, hồ sơ vi phạm trong trường hợp có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực

- a. Trường hợp có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, Biên bản kiểm tra, Biên bản vi phạm hành chính phải được chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày lập xong biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản này;
- b. Trường hợp có hành vi trộm cắp điện hoặc vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Biên bản kiểm tra, Biên bản vi phạm hành chính, Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm cùng toàn bộ tang vật, phương tiện bị tạm giữ (nếu có) phải được chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ngay sau khi hoàn thành việc lập đầy đủ hồ sơ vụ vi phạm quy định tại Điều 33 Thông tư này nhưng không quá 05 ngày làm việc.

4. Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, hồ sơ và các tang vật, phương tiện vi phạm được chuyển tới cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật”.

12. Sửa đổi Điểm c, Điểm d Khoản 3 Điều 26 như sau:

- a. Sửa đổi Điểm c Khoản 3 Điều 26 như sau: “c) Bản sao Hợp đồng mua bán điện”;
- b. Sửa đổi Điểm d Khoản 3 Điều 26 như sau: “d) Bản sao Giấy phép hoạt động điện lực (nếu có)”.

13. Bổ sung Khoản 4 Điều 29 như sau:

“4. Không thực hiện điều chỉnh khi bên mua điện có thông báo và đáp ứng đủ điều kiện tăng số hộ sử dụng điện dùng chung công tơ hoặc có thông báo và đáp ứng đủ điều kiện tăng định mức sử dụng điện sinh hoạt